TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 115/2019/HNGĐ-ST. Ngày 31-10-2019. V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Văn Đức;
Ông Ngô Minh Lý.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Đặng Văn Lớn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Ngọc N, sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT: Ấp L, xã G, huyện T, tỉnh N. Tạm trú: Ấp V, xã H, huyện T, tỉnh N- Vắng mặt có đơn xin.

Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện T, tỉnh N - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Ngọc N trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với mẹ chồng tại ấp L, xã G, huyện T, tỉnh N. Đến năm 2016, khi sinh cháu K chị về nhà mẹ ruột tại ấp V, xã H sống đến nay. Vợ chồng chung sống đến tháng 04-2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do từ khi chị về nhà mẹ ruột sinh con thì anh T ít khi qua lại thăm nom, có khi cả 02 tuần đến 01

tháng mới qua thăm một lần, hơn nữa anh T cũng không phụ tiền chị nuôi con, chỉ khi nào chị không có tiền nói thì anh T có mua phụ được 01 thùng sữa, còn nếu chị không yêu cầu thì anh cũng không quan tâm. Chị có nói chuyện với anh nhiều lần nhưng không được. Những lúc như vậy chị và anh T xảy ra mâu thuẫn cãi vả nhau và anh T ra tay đánh chị, kể cả lúc chị đang mang thai, cho nên đến tháng 4-2019 không chịu được nữa chị nộp đơn xin ly hôn và vợ chồng chính thức ly thân đến nay. Sau khi ly thân anh T có qua thăm con nhưng kêu con ra quán nước gần nhà chứ không vào nhà chị nên vợ chồng không có nói chuyện với nhau. Cha mẹ hai bên có gặp mặt nói chuyện hòa giải cho vợ chồng nhưng không được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Đăng K, sinh ngày 09-02-2016, hiện đang sống với chị và hiện chị đang mang thai được 06 tháng, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trương Văn T đã được Tòa án: Tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

- Về con chung: Giao cháu Trương Đăng K, sinh ngày 09-02-2016 cho chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng ngày 16-12- 2013. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do chị N cho rằng anh T không biết chăm lo cho vợ con và không phụ tiền nuôi con nhỏ, khi chị nói thì vợ chồng xảy ra cãi vả nhau, anh T đánh chị dù chị đang mang thai. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ anh T để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án từ đó cho thấy anh T đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của hai người, không có mong muốn được đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Trương Đăng K, sinh ngày 09-02-2016, hiện nay đang sống với chị N và chị N có nguyện vọng được nuôi con. Xét hiện cháu K còn nhỏ, cháu đang sống với chị N và cháu cần có sự chăm sóc của mẹ. Để đảm bảo điều kiện sống ổn định và phát triển toàn diện cho cháu K, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Võ Ngọc N đối với anh Trương Văn T. Chị Võ Ngọc N được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Đăng K, sinh ngày 09-02-2016 cho chị Võ Ngọc N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con;
- Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017201 ngày 06-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.(Chị N đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã Gia Lộc;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Như Thủy